

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Đường sắt

Trụ sở chính: Số 120 Phố Định Công - Quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04. 38641809 / 38641393

Fax: 04. 38641205

Người thực hiện công bố thông tin: Ông PHẠM HÙNG SƠN - Tổng Giám đốc

Địa chỉ:

Điện thoại di động: 0913221233

Điện thoại cố định cơ quan: 04.38644805

Fax: 04.38641205

Loại thông tin công bố: 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ ☒

Nội dung thông tin công bố:

“Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty CP dịch vụ vận tải Đường sắt năm 2016”

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Hùng Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày
31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn đã trình bày trước Đại hội đồng Cổ đông gọi là Công ty Cổ phần Tư vấn Điều kiện Số 139 Đường Cộng Hòa về các nội dung tài chính và kinh doanh của Công ty trong năm 2012, 2013 và 2014 và báo cáo tài chính năm 2014.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn đã được thành lập theo Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05/01/2012. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312000000, ngày 05/01/2012.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt (sau đây gọi là Công ty) tiền thân là Công ty Dịch vụ vận tải đường sắt trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 05/01/2005, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105207. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, Giám đốc, ... đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 05 ngày 17/03/2015.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động chính của Công ty là: Vận tải hàng hóa (kể cả hàng siêu trường siêu trọng), vận tải hành khách; các hoạt động phụ trợ cho vận tải; kinh doanh du lịch lễ hành và các dịch vụ khác; mua bán và đại lý; tuyển chọn, thu gom than, thu gom các loại đất đá; sản xuất thân xe có động cơ và rơ moóc, sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ; chuẩn bị mặt bằng; xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; hoàn thiện công trình xây dựng; kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng; nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu và đi thuê; cho thuê phương tiện vận tải; cho thuê máy móc thiết bị khác.

Công ty có trụ sở tại số 120 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội và có 8 đơn vị trực thuộc bao gồm:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Xí nghiệp vận tải và dịch vụ Hà Nội	Số 120 Định Công, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
2	Chi nhánh Giáp Bát	Ga Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội
3	Xí nghiệp vận tải và dịch vụ Yên Viên	Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
4	Chi nhánh Hải Phòng	Số 1/212 Lê Lợi, Phường Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
5	Chi nhánh Lạng Sơn	Ga Lạng Sơn, Đường Lê Đại Hành, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
6	Chi nhánh Lào Cai	Số nhà 321, Đường Khánh Yên, Phường Phố Mới, TP Lào Cai
7	Chi nhánh TP HCM	Số 01 Nguyễn Thông, Phường 09, Quận 03, TP Hồ Chí Minh
8	Chi nhánh Bim Sơn	Số 02 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Phạm Hùng Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Đăng Khoa	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Thanh Quảng	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Anh Dũng	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Văn Hà	Ủy viên Hội đồng quản trị

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Phạm Hùng Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Quảng	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



PHẠM HÙNG SƠN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016*

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt, được lập ngày 25/03/2017 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM TIẾN HÙNG
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0752-2013-038-1

NGUYỄN THỊ LAN HOA
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2003-2016-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.233.104.994	36.206.490.409
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.822.386.146	10.266.620.608
1. Tiền	111		2.258.846.713	4.560.128.077
2. Các khoản tương đương tiền	112		563.539.433	5.706.492.531
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.496.793.016	5.521.523.494
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.1	21.496.793.016	5.521.523.494
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.622.207.419	19.131.957.054
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	10.046.086.855	15.502.115.762
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.400.000	81.300.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	4.750.649.033	3.860.509.761
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(200.928.469)	(311.968.469)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	3.600.184.958	395.561.639
1. Hàng tồn kho	141		3.600.184.958	395.561.639
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		691.533.455	890.827.614
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	389.146.053	509.801.447
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		302.387.402	256.983.094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10.2	-	124.043.073
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.098.135.052	15.436.400.024
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	50.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.2	-	50.000.000
II. Tài sản cố định	220		8.766.723.921	12.690.888.066
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	8.689.033.666	12.580.447.807
- Nguyên giá	222		38.788.750.775	43.031.589.718
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.099.717.109)	(30.451.141.911)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	77.690.255	110.440.259
- Nguyên giá	228		262.000.000	262.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(184.309.745)	(151.559.741)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.357.530.000	1.504.530.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.2	1.861.400.000	1.861.400.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2.2	(503.870.000)	(356.870.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		973.881.131	1.190.981.958
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	973.881.131	1.190.981.958
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		54.331.240.046	51.642.890.433

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Địa chỉ: Số 120 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	31/12/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.397.537.553	25.739.539.219
I. Nợ ngắn hạn	310		12.184.537.553	15.529.539.219
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.1	8.825.706.542	10.864.098.609
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.400.000	200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10.1	714.284.865	595.505.950
4. Phải trả người lao động	314		974.360.379	2.008.973.081
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	431.045.455	210.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	311.751.477
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	450.000.001	155.454.542
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.1	352.665.587	314.005.394
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	47.500.000	227.500.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	500.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		360.574.724	342.050.166
II. Nợ dài hạn	330		17.213.000.000	10.210.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13.2	17.213.000.000	10.210.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.933.702.493	25.903.351.214
I. Vốn chủ sở hữu	410		24.933.702.493	25.903.351.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	2.093.026.656	1.943.026.656
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.16	550.000.000	550.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	2.290.675.837	3.410.324.558
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		700.000.000	750.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.590.675.837	2.660.324.558
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		54.331.240.046	51.642.890.433

TRỊNH HÙNG TÚ
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

PHẠM HÙNG SƠN
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2016	NĂM 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	72.828.695.305	114.997.640.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	72.828.695.305	114.997.640.998
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64.218.743.515	101.733.472.229
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.609.951.790	13.264.168.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	871.945.326	748.510.532
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	169.632.466	127.289.268
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.632.466	37.593.333
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.620.442.938	11.350.926.730
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.691.821.712	2.534.463.303
11. Thu nhập khác	31	VI.6	377.850.836	141.818.182
12. Chi phí khác	32	VI.6	197.053.110	-
13. Lợi nhuận khác	40		180.797.726	141.818.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.872.619.438	2.676.281.485
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	281.943.601	15.956.927
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.590.675.837	2.660.324.558
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	795	1.250

TRỊNH HÙNG TÚ
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

PHẠM HÙNG SƠN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Địa chỉ: Số 120 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2016	NĂM 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.872.619.438	2.676.281.485
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	3.286.197.259	3.523.124.095
- Các khoản dự phòng	03	(464.040.000)	(2.869.964.061)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.247.399.872)	(2.181.697.779)
- Chi phí lãi vay	06	22.632.466	37.593.333
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	3.470.009.291	1.185.337.073
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.625.385.327	743.778.282
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.230.587.573)	3.366.085.830
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.155.329.375	(2.251.147.983)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	337.756.221	767.611.969
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.632.466)	(89.205.049)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(125.000.000)	(677.495.065)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	35.853.538
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(17.756.927)	(346.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.192.503.248	2.734.418.595
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.336.068.860)	(1.378.431.791)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	375.454.546	156.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.975.269.522)	(3.482.358.117)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	871.945.326	748.510.532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.063.938.510)	(3.956.279.376)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	642.500.000	1.634.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(822.500.000)	(1.884.500.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.392.799.200)	(2.377.795.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.572.799.200)	(2.628.295.122)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(7.444.234.462)	(3.850.155.903)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.266.620.608	14.116.776.511
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.822.386.146	10.266.620.608

TRỊNH HÙNG TÚ

Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

PHẠM HÙNG SƠN

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt (sau đây gọi là Công ty) tiền thân là Công ty Dịch vụ vận tải đường sắt trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 05/01/2005 Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105207. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, Giám đốc,... đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 05 ngày 17/03/2015.

Vốn điều lệ của Công ty là: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng chẵn).

Các hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động chính của Công ty là: Vận tải hàng hóa (kể cả hàng siêu trường siêu trọng), vận tải hành khách; các hoạt động phụ trợ cho vận tải; kinh doanh du lịch lễ hành và các dịch vụ khác; mua bán và đại lý; tuyển chọn, thu gom than, thu gom các loại đất đá; Tạm nhập tái xuất và chuyển khẩu hàng hóa; sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa; Sản xuất các sản phẩm từ kim loại (trừ máy móc thiết bị), sản xuất thân xe có động cơ và rơ moóc, sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ; chuẩn bị mặt bằng; xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; hoàn thiện công trình xây dựng; kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng; Nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu và đi thuê; môi giới đầu tư bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; cho thuê máy móc thiết bị khác.

Công ty có trụ sở tại số 120 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội và 08 đơn vị trực thuộc bao gồm:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Xí nghiệp vận tải và dịch vụ Hà Nội	Số 120 Định Công, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
2	Chi nhánh Giáp Bát	Ga Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội
3	Xí nghiệp vận tải và dịch vụ Yên Viên	Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
4	Chi nhánh Hải Phòng	Số 1/212 Lê Lợi, Phường Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
5	Chi nhánh Lạng Sơn	Ga Lạng Sơn, Đường Lê Đại Hành, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
6	Chi nhánh Lào Cai	Số nhà 321, Đường Khánh Yên, Phường Phố Mới, TP Lào Cai
7	Chi nhánh TP HCM	Số 01 Nguyễn Thông, Phường 09, Quận 03, TP Hồ Chí Minh
8	Chi nhánh Bim Sơn	Số 02 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường là 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Đến ngày 31/12/2016, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 97 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền sử dụng trong kế toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các Quyết định và Thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc.

Đối với các khoản góp vốn vào các đơn vị khác:

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (giá trị đã thực hiện nhưng chưa được nghiệm thu) nhân với (x) đơn giá dự toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Khung khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 40 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định vô hình gồm: phần mềm máy tính.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính được ghi nhận theo giá mua của phần mềm vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 08 năm.

Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, khế ước nhận nợ.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Các loại chi phí trả trước hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn là giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không quá 12 tháng. Chi phí trả trước được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn là chi phí sửa chữa 25 toa xe phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh từ 18 tháng đến 72 tháng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ bao gồm phí kiểm toán, chi phí lãi vay và các chi phí phải trả khác.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ nợ (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho một khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Căn cứ trích lập các khoản dự phòng phải trả cụ thể như sau:

Dự phòng sửa chữa bảo dưỡng tài sản cố định: Công ty thực hiện trích lập dự phòng sửa chữa tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật của tài sản, căn cứ vào bảng dự trù chi phí sửa chữa tài sản hoặc kế hoạch sửa chữa tài sản định kỳ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận được tiền khách hàng trả trước liên quan đến các khoản sau: Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản.

Phương pháp phân phối doanh thu chưa thực hiện: Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ, căn cứ thời gian, kỳ hạn của số tiền nhận trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định, cụ thể như sau:

Trong năm 2016, Công ty phân phối lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015. Phần lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, được phân phối Biên bản đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/BB/2016/ĐHĐCĐ ngày 09/04/2016 và theo Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2016. Cụ thể:

- Trích 150.000.000 đồng vào Quỹ đầu tư phát triển;
- Trích 160.324.558 đồng vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ 12% trên vốn điều lệ;
- Phần còn lại được chuyển sang lợi nhuận của năm nay.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ (vận tải hàng hóa, các hoạt động phụ trợ cho vận tải,...) được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, cổ tức, doanh thu cho thuê. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí đi vay vốn.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế giá trị gia tăng (GTGT): Thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt tại quỹ	(i)	135.633.697	234.299.542
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	2.123.213.016	4.325.828.535
Các khoản tương đương tiền	(iii)	563.539.433	5.706.492.531
Cộng		2.822.386.146	10.266.620.608

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2016 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	135.633.697
Cộng	135.633.697

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

	VND
Tiền gửi ngân hàng tại Văn phòng	962.719.471
Tiền gửi ngân hàng tại các Chi nhánh	1.160.493.545
+ Chi nhánh Hải Phòng	446.666.390
+ Chi nhánh Hà Nội	221.265.515
+ Chi nhánh Giáp Bát	77.048.706
+ Chi nhánh Yên Viên	197.255.802
+ Chi nhánh Lạng Sơn	25.499.597
+ Chi nhánh Lào Cai	15.843.638
+ Chi nhánh Bim Sơn	99.348.493
+ Chi nhánh Hồ Chí Minh	77.565.404
Cộng	2.123.213.016

(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2016 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng, chi tiết như sau:

	Kỳ hạn	Lãi suất	VND
+ NH TMCP Công thương VN - CN Thanh Xuân	1 tháng	4,3%	563.539.433
Cộng			563.539.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính****2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016			31/12/2015		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Ngắn hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn	21.496.793.016	21.496.793.016	21.496.793.016	5.521.523.494	5.521.523.494	5.521.523.494
Cộng	21.496.793.016	21.496.793.016	21.496.793.016	5.521.523.494	5.521.523.494	5.521.523.494

2.2 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			31/12/2015		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Đầu tư vào đơn vị khác	1.861.400.000	(503.870.000)	1.357.530.000	1.861.400.000	(356.870.000)	1.504.530.000
Cộng	1.861.400.000	(503.870.000)	1.357.530.000	1.861.400.000	(356.870.000)	1.504.530.000

2.3 Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn

Tên đơn vị	31/12/2016		31/12/2015	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết				
+ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Kinh doanh tổng hợp - VVMI	90.000	900.000.000	90.000	900.000.000
+ Công ty cổ phần Thạch cao Xi măng	52.500	618.000.000	52.500	618.000.000
+ Công ty cổ phần Xi măng Lạng Sơn	44.400	343.400.000	44.400	343.400.000
Tổng giá trị của các khoản ĐTTTC dài hạn		1.861.400.000		1.861.400.000
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT dài hạn		(503.870.000)		(356.870.000)
Giá trị thuần của các khoản ĐTTTC dài hạn		1.357.530.000		1.504.530.000

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn:

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được lập nhằm phản ánh sự suy giảm giá trị trường của các cổ phiếu có liên quan tại ngày kết thúc niên độ.

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2016	2015
Dự phòng giảm giá các khoản ĐTDH đầu năm	356.870.000	386.780.000
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	147.000.000	-
Trừ: SD và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(29.910.000)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐTDH cuối năm	503.870.000	356.870.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng****3.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2016	31/12/2015
Công ty CP cơ khí điện lực	-	2.031.992.955
Công ty CP thiết bị cơ điện và xây dựng	1.284.869.902	2.013.806.502
TCT lắp máy Việt Nam (Lilama VN)	273.833.075	2.332.510.158
Công ty cổ phần Lilama 69-3	2.096.633.730	522.362.648
Công ty TNHH Nissin Logistics (VN)	2.376.451.722	1.217.157.539
Các khách hàng còn lại	4.014.298.426	7.384.285.960
Cộng	10.046.086.855	15.502.115.762

4. Các khoản phải thu khác**4.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2016	31/12/2015
Ký cược, ký quỹ	381.000.000	-
Tạm ứng	262.792.000	352.070.000
Thuế đất khu cơ quan phải thu từ T&T	2.494.892.899	2.494.892.267
Phải thu chi hộ tiền hàng Nissin Logistics	1.447.409.494	725.349.719
Phải thu khác	164.554.640	288.197.775
Cộng	4.750.649.033	3.860.509.761

4.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2016	31/12/2015
Ký cược, ký quỹ	-	50.000.000
Cộng	-	50.000.000

5. Hàng tồn kho

	31/12/2016		31/12/2015	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	153.202.912	-	285.514.504	-
Chi phí SXKD dở dang	3.446.982.046	-	110.047.135	-
	3.600.184.958	-	395.561.639	-

6. Chi phí trả trước**Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016	31/12/2015
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	389.146.053	509.801.447
Cộng	389.146.053	509.801.447

Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	31/12/2015
- Chi phí trả trước 25 toa xe	786.809.814	1.176.231.958
- Phí lưu giữ, duy trì website	6.075.000	14.750.000
- Chi phí sửa chữa nhà tại Yên viên	180.996.317	-
Cộng	973.881.131	1.190.981.958

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	7.095.608.050	514.133.415	35.174.272.623	247.575.630	-	43.031.589.718
Mua trong năm	-	-	980.654.545	-	-	980.654.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	355.414.315	-	-	-	-	355.414.315
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.345.102.871)	-	-	(1.345.102.871)
Giảm khác	(4.122.168.568)	(111.636.364)	-	-	-	(4.233.804.932)
Tại ngày 31/12/2016	3.328.853.797	402.497.051	34.809.824.297	247.575.630	-	38.788.750.775
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	4.134.799.714	514.133.415	25.555.142.152	247.066.630	-	30.451.141.911
Khấu hao trong năm	264.838.521	-	2.988.099.734	509.000	-	3.253.447.255
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.345.102.871)	-	-	(1.345.102.871)
Giảm khác	(2.148.132.822)	(111.636.364)	-	-	-	(2.259.769.186)
Tại ngày 31/12/2016	2.251.505.413	402.497.051	27.198.139.015	247.575.630	-	30.099.717.109
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	2.960.808.336	-	9.619.130.471	509.000	-	12.580.447.807
Tại ngày 31/12/2016	1.077.348.384	-	7.611.685.282	-	-	8.689.033.666
Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng			13.644.960.487	đồng		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	-	262.000.000	262.000.000
Mua trong năm	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-
Tăng do hợp nhất KD	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	262.000.000	262.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	-	151.559.741	151.559.741
Khấu hao trong năm	-	32.750.004	32.750.004
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	184.309.745	184.309.745
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	-	110.440.259	110.440.259
Tại ngày 31/12/2016	-	77.690.255	77.690.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

9. Phải trả người bán

9.1 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH vận tải và DVTM Đức Trọng	543.766.000	543.766.000	1.351.198.386	1.351.198.386
Công ty TNHH TM Tổng hợp Kim Sơn	1.543.661.649	1.543.661.649	2.995.942.297	2.995.942.297
Phải trả cho các đối tượng khác	6.738.278.893	6.738.278.893	6.516.957.926	6.516.957.926
Cộng	8.825.706.542	8.825.706.542	10.864.098.609	10.864.098.609

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

10.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	476.141.639	7.964.414.392	7.979.192.487	461.363.544
Trong đó:				
Chi nhánh Bim Sơn	239.668	49.339.255	45.742.298	3.836.625
Chi nhánh Giáp Bát	65.391.396	58.234.847	123.626.243	130.782.792
Chi nhánh Hải Phòng	136.852.145	2.970.450.450	2.894.548.734	60.950.429
Chi nhánh Lào Cai	6.533.170	123.866.972	129.145.080	11.811.278
Chi nhánh Lạng Sơn	5.577.022	59.303.393	64.880.415	-
Chi nhánh TP HCM	1.534.525	543.556.796	544.278.543	2.256.272
Xí nghiệp Hà Nội	175.641.955	1.585.340.855	1.656.412.518	246.713.618
XN Yên Viên	84.371.758	1.489.243.845	1.435.480.677	30.608.590
Văn phòng cơ quan	-	1.085.077.979	1.085.077.979	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	157.900.528	125.000.000	32.900.528
Thuế thu nhập cá nhân	80.592.311	120.805.513	81.661.031	119.736.793
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	38.272.000	687.551.882	625.539.882	100.284.000
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	500.000	48.382.360	48.882.360	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	-	-
Cộng	595.505.950	8.979.054.675	8.860.275.760	714.284.865

10.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Thuế GTGT nộp thừa	-	-	-	-
Thuế TNDN nộp thừa	124.043.073	124.043.073	-	-
Cộng	124.043.073	124.043.073	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	31/12/2015
- Chi phí sửa chữa lớn 03 toa xe	90.000.000	-
- Phí kiểm toán	48.000.000	48.000.000
- Các khoản trích trước khác	293.045.455	162.000.000
Cộng	431.045.455	210.000.000

12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016	31/12/2015
- Tiền thuê nhà nhận trước	450.000.001	155.454.542
Cộng	450.000.001	155.454.542

13. Phải trả khác**13.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Kinh phí công đoàn	25.815.300	25.815.300	4.827.640	4.827.640
- Bảo hiểm xã hội	47.406.930	47.406.930	20.164.410	20.164.410
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	279.443.357	279.443.357	289.013.344	289.013.344
Trong đó:				
Thù lao phải trả HĐQT, BKS	133.565.993	133.565.993	171.041.000	171.041.000
Cổ tức phải trả	50.115.386	50.115.386	42.914.586	42.914.586
Khách hàng đặt cọc vận chuyển hàng hóa	-	-	45.000.000	45.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	95.761.978	95.761.978	30.057.758	30.057.758
Cộng	352.665.587	352.665.587	314.005.394	314.005.394

13.2. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	17.213.000.000	17.213.000.000	10.210.000.000	10.210.000.000
Cộng	17.213.000.000	17.213.000.000	10.210.000.000	10.210.000.000

14. Vay và nợ thuê tài chính**14.1. Các khoản vay ngắn hạn**

	31/12/2015		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Vay cá nhân	227.500.000	227.500.000	642.500.000	822.500.000	47.500.000	47.500.000
Cộng	227.500.000	227.500.000	642.500.000	822.500.000	47.500.000	47.500.000

Chi tiết các khoản vay cá nhân ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (tháng)	Tài sản đảm bảo
Ông Nguyễn Khắc Chiến	24.500.000	9 tháng	0%	Không có
Vay cá nhân Chi nhánh Bim Sơn	23.000.000	-	0%	Không có
Cộng	47.500.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Địa chỉ: Số 120 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

15. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	-	550.000.000	139.703.476	-	1.609.457.072	2.710.954.482	25.010.115.030
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	2.660.324.558	2.660.324.558
Tăng khác	-	-	-	-	-	233.569.584	-	233.569.584
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	(1.640.954.482)	(1.640.954.482)
Phân phối các quỹ	-	-	-	100.000.000	-	100.000.000	(320.000.000)	(120.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(239.703.476)	-	-	-	(239.703.476)
Số dư cuối năm trước/dầu năm nay	20.000.000.000	-	550.000.000	-	-	1.943.026.656	3.410.324.558	25.903.351.214
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	1.590.675.837	1.590.675.837
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	-	150.000.000	(310.324.558)	(160.324.558)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	-	550.000.000	-	-	2.093.026.656	2.290.675.837	24.933.702.493

(*): Công ty trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2015 theo Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 09/04/2016.

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016			31/12/2015		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Phạm Anh Dũng	1.537.660.000	153.766	-	6.322.220.000	632.222	-
Ông Phạm Hùng Sơn	1.224.990.000	122.499	-	1.224.990.000	122.499	-
Ông Nguyễn Thanh Quảng	1.554.310.000	155.431	-	1.437.190.000	143.719	-
Ông Phạm Văn Hà	1.806.960.000	180.696	-	1.806.960.000	180.696	-
Vốn góp của các cổ đông	13.876.080.000	1.387.608	-	9.208.640.000	920.864	-
Cộng	20.000.000.000	2.000.000	-	20.000.000.000	2.000.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	2016	2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.400.000.000	1.640.954.482

Cổ tức:

	2016	2015
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	12%

Cổ phiếu:

	31/12/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	31/12/2016	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	2.093.026.656	1.943.026.656
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	550.000.000	550.000.000
Cộng	2.643.026.656	2.493.026.656

Mục đích trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2016	2015
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.828.695.305	114.997.640.998
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.828.695.305	114.997.640.998
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.828.695.305	114.997.640.998
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	72.828.695.305	114.997.640.998

2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2016	2015
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	64.218.743.515	101.733.472.229
Cộng	64.218.743.515	101.733.472.229

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	850.945.326	597.760.532
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.000.000	150.750.000
Cộng	871.945.326	748.510.532

4. Chi phí tài chính

	2016	2015
Lãi tiền vay	22.632.466	37.593.333
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	147.000.000	89.695.935
Cộng	169.632.466	127.289.268

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
Chi phí nhân viên quản lý	3.514.950.013	5.309.649.869
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.630.691.372	2.794.261.007
Chi phí khấu hao tài sản cố định	298.097.525	344.047.031
Thuế phí, lệ phí	811.336.566	987.333.863
Chi phí dự phòng	(22.500.000)	142.841.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.092.388.938	1.260.078.172
Chi phí bằng tiền khác	295.478.524	512.715.472
Cộng	7.620.442.938	11.350.926.730

Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****6. Thu nhập khác và chi phí khác**

	2016	2015
Thu nhập khác	377.850.836	141.818.182
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	375.454.546	141.818.182
- Thu khác	2.396.290	-
Chi phí khác	197.053.110	-
- Các khoản chi phí khác	197.053.110	-
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	180.797.726	141.818.182

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**7.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2016	2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	281.943.601	15.956.927
Cộng	281.943.601	15.956.927

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	2016	2015
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	1.872.619.438	2.676.281.485
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	(462.901.435)	(2.603.750.000)
Các khoản điều chỉnh tăng	354.553.110	662.000.000
Các khoản phạt	41.382.360	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	155.670.750	662.000.000
Doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-	-
Chi phí đã được khấu trừ thuế từ các năm trước	157.500.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(817.454.545)	(3.265.750.000)
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(817.454.545)	(165.750.000)
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của (các) kỳ trước	-	(3.100.000.000)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	1.409.718.003	72.531.485
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	1.409.718.003	72.531.485
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	281.943.601	15.956.927
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	537.495.065
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	(124.043.073)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(125.000.000)	(553.451.992)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	32.900.528	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2016	2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.338.086.598	15.839.292.591
Chi phí nhân công	6.358.720.134	8.998.109.016
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.286.197.259	3.523.124.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.131.172.622	79.078.901.975
Chi phí khác bằng tiền	1.711.379.835	2.555.577.329
Chi phí dự phòng	164.500.000	142.841.316
Cộng	69.990.056.448	110.137.846.322

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	2016	2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.590.675.837	2.660.324.558
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	1.590.675.837	2.660.324.558
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi sau thuế	-	160.324.558
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi loại trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế	1.590.675.837	2.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	795	1.250

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****1. Thông tin về các bên có liên quan (tiếp theo)**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính 2016, HĐQT, Ban Giám đốc của Công ty được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Nghiệp vụ với các bên liên quan:Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị</u>
Ông Phạm Hùng Sơn	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	167.796.600
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	127.778.100
Ông Nguyễn Thanh Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	157.738.400
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	104.603.000

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	2016	2015
Tiền lương và phụ cấp	822.636.000	992.698.655
Cộng	822.636.000	992.698.655

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho tới thời điểm lập báo cáo tài chính này không có hoạt động hoặc sự kiện nào ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017


TRỊNH HÙNG TÚ

Kế toán trưởng


PHẠM HÙNG SƠN

Tổng Giám đốc